

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/LĐ-ST
Ngày: 31 - 3 - 2025
V/v “Tranh chấp trợ cấp mất việc,
bảo hiểm xã hội và tiền thưởng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý
2. Ông Hoàng Minh Tuấn – Viên chức Phòng Nội vụ hỗ trợ Liên đoàn lao động thành phố Thủ Dầu Một.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 và 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 43/2024/TLST-LĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp tiền trợ cấp mất việc, bảo hiểm xã hội và tiền thưởng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-LĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đinh Văn T, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Nhà A, Chung cư C, A V, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV V; Trụ sở: 18L1-2 VSIP II, đường số C, Khu công nghiệp V - S, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ văn phòng đại diện: Tầng H, tòa nhà V số B C, Phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Thanh L, sinh năm 1961 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (theo Giấy ủy quyền số 02/UQ-VMBD ngày 28/02/2025). Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần Y; trụ sở: Tầng H Tòa nhà V, Số D - D Bà T, phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đinh Văn T trình bày: Ông Đinh Văn T vào làm việc tại Công ty Cổ Phần Y từ ngày 09/4/2003 đến ngày 15/4/2020, có ký kết hợp đồng lao động và nơi làm việc là tại trụ sở Công ty Cổ Phần Y tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đến năm 2020, Công ty Cổ Phần Y điều chuyển ông T sang làm việc Công ty TNHH MTV V theo Quyết định điều chuyển số 239/QĐ – VMD ngày 14/4/2019 (ghi nhầm năm 2019) và theo quyết định thì Công ty chỉ chi trả lương thực tế cho ông T đến hết ngày 14/4/2020 mà không thanh toán các khoản phụ cấp khác và ông T cũng không được thanh toán tiền trợ cấp mất việc từ năm 2003 đến năm 2008. Từ năm 2008 thì Công ty đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp cho ông nên ông không yêu cầu. Khi điều chuyển ông T cũng đã có yêu cầu Công ty Cổ Phần Y thanh toán tiền trợ cấp mất việc từ năm 2023 đến năm 2008 nhưng phía Công ty T1 miêng với ông là sau này Công ty TNHH MTV V sẽ giải quyết và do vẫn tiếp tục làm việc tại Công ty TNHH MTV V nên ông T không có ý kiến về vấn đề trên, cũng không khiếu nại gì.

Từ ngày 16/4/2020 đến ngày 31/12/2023, ông T làm việc cho Công ty TNHH MTV V theo Hợp đồng lao động ký kết ngày 16/4/2023, mức lương tham gia BHXH cho ông T tại Quyết định điều chuyển là 6.660.000đồng/tháng và cùng ngày ông T và Công ty TNHH MTV V có ký kết phụ lục hợp đồng về việc ông T được hưởng phụ cấp điện thoại là 100.000đồng/tháng. Công ty TNHH MTV V tham gia các khoản bảo hiểm bắt buộc cho ông theo mức lương 6.660.000đồng/tháng.

Tuy nhiên, Quyết định số 3189/2020/QĐ-VMDP ngày 15/7/2020 về việc điều chỉnh tiền lương thì ngoài tiền lương 6.660.000đồng/tháng theo hợp đồng lao động đã ký ông T còn được hưởng tiền thưởng theo chỉ số KPI là 6.340.000đồng và theo ông T tìm hiểu quy định pháp luật về Luật Bảo hiểm xã hội và Thông tư số 06 ngày 07/07/2021 về sửa đổi bổ sung Thông tư số 59 ngày 29/12/2015 của Bộ L1 và Thương binh xã hội ngày 29/12/2015 về hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm xã hội thì Công ty còn phải tham gia bảo hiểm xã hội cho ông T trên mức lương 6.340.000đồng nhưng Công ty TNHH MTV V chưa tham gia nên nay ông khởi kiện yêu cầu bổ sung Công ty TNHH MTV V có nghĩa vụ tham gia bổ sung các khoản bảo hiểm xã hội cho ông theo quy định tại cơ quan bảo hiểm xã hội và ông T sẽ thực hiện nghĩa vụ của người lao động theo quy định về việc nộp bổ sung các khoản bảo hiểm xã hội theo quy định.

- Đối với yêu cầu Công ty TNHH MTV V chi trả tiền thưởng cuối năm 2023 tương đương 02 tháng lương theo mức lương thực lãnh là 26.000.000đồng

ông T xác định tại thời điểm ông nhận quyết định nghỉ việc hoàn toàn không biết việc Công ty có khen thưởng cuối năm 2023 và sau khi nghỉ việc ông nghe thông tin từ những người vẫn đang làm việc tại Công ty nên được biết Công ty có khen thưởng năm 2023 cho toàn thể nhân viên và ông T nhận thấy ông đã làm việc hết năm 2023 nên phải được khen thưởng theo như những nhân viên khác là 02 tháng lương thực lãnh.

Về quá trình Công ty Cổ Phần Y và Công ty TNHH MTV V ra quyết định điều chuyển và quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Đinh Văn T thì ông không có tranh chấp ngoài những khoản tranh chấp nêu trên. Tại thời điểm ông T nghỉ việc, Công ty TNHH MTV V đã không thực hiện chi trả trợ cấp mất việc cho ông trong khoảng thời gian ông làm việc tại Công ty Cổ Phần Y theo quy định pháp luật.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV V trả cho ông Đinh Văn T tiền trợ cấp mất việc trong thời gian 06 năm từ ngày 19/4/2003 đến ngày 31/12/2008 là 78.000.000đồng.

Ngày 25/10/2024, ông Đinh Văn T có đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện:

- Yêu cầu Công ty TNHH MTV V chi trả tiền thưởng cuối năm 2023 tương đương 02 tháng lương là 26.000.000đồng.

- Yêu cầu Công ty TNHH MTV V thực hiện đóng bổ sung các khoản liên quan đến bảo hiểm xã hội cho phần lương chưa được đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian từ ngày 15/7/2020 đến 31/12/2023, cụ thể: Từ ngày 15/7/2020 đến ngày 22/7/2023 là 36 tháng trên mức lương 6.340.000 đồng/tháng. Và từ ngày 23/7/2023 đến 31/12/2023 là 05 tháng trên mức lương: 6.090.000 đồng/tháng, thành tiền là 55.850.550đồng.

Tổng số tiền: 159.850.550đồng

Bị đơn Công ty TNHH MTV V do ông Lê Thanh L trình bày: Công ty Cổ Phần Y tái cơ cấu sử dụng lao động nên ông T được điều chuyển đến Công ty con là Công ty TNHH MTV V theo Quyết định số 239/QĐ-VMD về việc điều chuyển ông Đinh Văn T sang Công ty TNHH MTV V từ ngày 16/4/2020 (có danh sách kèm theo).

Giữa ông T và Công ty TNHH MTV V bắt đầu xác lập quan hệ lao động theo Hợp đồng lao động ký kết ngày 16/4/2020, mức lương tham gia bảo hiểm xã hội cho ông T tại Quyết định điều chuyển của Công ty Y là 6.660.000đồng/tháng và cùng ngày hai bên có ký kết phụ lục hợp đồng theo như ông T trình bày. Mức lương Công ty TNHH MTV V tham gia các khoản bảo hiểm xã hội cho ông T theo hợp đồng lao động từ ngày 20/4/2020 là 6.660.000đồng và kể từ ngày 10/8/2023 là 6.910.000đồng/tháng. Việc ông T yêu cầu Công ty TNHH MTV V phải tham gia bổ sung các khoản bảo hiểm xã hội

cho ông trên mức lương KPI 6.340.000đồng/tháng tính từ ngày 15/7/2020 đến 31/12/2023 là không có cơ sở. Công ty không đồng ý.

Việc ông T yêu cầu Công ty V thanh toán trợ cấp mất việc 78.000.000đồng tương đương 06 tháng lương thực lãnh từ năm 2003 đến năm 2008 trong khoảng thời gian ông T làm việc tại Công ty Y là không hợp lý. Khi ông T nghỉ việc Công ty đã chi trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông T trong khoảng thời gian 03 tháng trên mức lương 6.868.333đồng và ông T đã nhận khi Công ty V giải quyết các chế độ cho ông để nghỉ việc. Cụ thể, Công ty đã chuyển khoản vào tài khoản của ông T ngày 29/01/2024 số tiền 27.864.867đồng bao gồm: chi trả trợ cấp mất việc 03 tháng lương cơ bản là 20.605.000đồng; chi tiền lương các ngày làm việc từ 24/12/2023 đến 31/12/2023 là 6,5 ngày và 16 ngày phép còn lại là 7.259.867đồng.

Việc chấm dứt hợp đồng lao động giữa ông Đinh Văn T và Công ty TNHH MTV V thống nhất như ông T trình bày. Quá trình chấm dứt hợp đồng lao động phía Công ty TNHH MTV V cũng đã báo cáo Công ty Cổ Phần Y và Công ty cổ Phần Y không có ý kiến gì.

Về chế độ khen thưởng, Công ty TNHH MTV V thực hiện khen thưởng theo quy chế khen thưởng của Công ty Cổ Phần Y theo quyết định và danh sách khen thưởng từ Công ty Cổ Phần Y gửi về hàng năm. Tại thời điểm ông T nghỉ việc thì Công ty Cổ Phần Y chưa có quyết định và danh sách khen thưởng năm 2023 mà đến ngày 19/01/2024 mới có quyết định gửi về cho Công ty TNHH MTV V và ông Đinh Văn T cũng không thuộc đối tượng được xét thưởng và không có tên trong danh sách khen thưởng kèm theo nên yêu cầu của ông T về việc thanh toán tiền khen thưởng cuối năm 2023 là không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Y: Quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty Cổ phần Y nhưng Công ty không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện, yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn cho Tòa án nên phải chịu hậu quả cho việc không cung cấp được chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu khởi kiện bổ sung.

Đại diện bị đơn do ông Lê Thanh L giữ nguyên ý kiến trình bày, không đồng ý các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đồng ý thanh toán thêm cho ông T tiền trợ cấp mất việc tương đương 03 tháng lương tham gia bảo hiểm theo hợp đồng là 20.605.000đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án, Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, Thẩm phán đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; đảm bảo việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng theo quy định quy định; đảm bảo thời hạn chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp theo quy định. Tuy nhiên, Tòa án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, cụ thể như sau: Ngày 25/7/2024, Tòa án thụ lý vụ án; ngày 25/9/2024, Tòa án ban hành quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử thêm 01 tháng kể từ ngày 25/9/2024; ngày 25/12/2024, Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự (ngày 25/10/202, Tòa án thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được coi là trường hợp được tính lại thời hạn chuẩn bị xét xử). Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý vụ việc đến thời điểm công chức làm báo cáo đề xuất thì các đương sự trong vụ án đã chấp hành chưa đúng, chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thống nhất xác định ông Đinh Văn T vào làm việc tại Công ty TNHH MTV V từ ngày 16/4/2020 theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số VBVO033485_01 ngày 16/4/2020 và Phụ lục Hợp đồng lao động số VBVO033485/2023/PLHĐLD-VMBD ngày 23/7/2023; đến ngày 31/12/2023, Công ty V có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đinh Văn T do giảm biên chế lao động khi thu hẹp mô hình kinh doanh kể từ ngày 31/12/2023; các bên thống nhất mức lương trước khi ông Đinh Văn T nghỉ việc gồm 02 khoản lương: Mức lương chính là 6.910.000 đồng và mức lương KPI 6.090.000 đồng; thống nhất mức lương đóng BHXH cho ông Đinh Văn T trong quá trình làm việc tại Công ty V là căn cứ vào mức lương chính, không bao gồm mức lương KPI; thống nhất ngày 29/01/2024, Công ty V đã chuyển khoản cho ông Đinh Văn T số tiền 27.864.687 đồng nên theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây được xem là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền trợ cấp thôi việc trong khoảng thời gian nguyên đơn làm việc tại Công ty Cổ phần Y1 từ ngày 19/4/2003 đến ngày 31/12/2008, nhận thấy: Ông Đinh Văn T vào làm việc tại Công ty Cổ phần Y1 từ ngày 19/4/2003; ngày 14/4/2019, Cổ phần Y Dược phẩm Y1 đã có quyết định điều chuyển ông Đinh Văn T về làm việc tại Công ty V kể từ ngày 15/4/2020 và trong thời gian làm việc tại Công ty Cổ phần Y1 thì ông Đinh Văn T chưa được hưởng chế độ trợ cấp thôi việc. Ngày 16/4/2020, Công ty V ký kết hợp đồng lao động với ông T và đến ngày 31/12/2023, Công ty V có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đinh Văn T. Như vậy, Công ty V là đơn vị cuối cùng tiếp nhận ông Đinh Văn T

vào làm việc nên khi giải quyết cho ông Đinh Văn T thôi việc thì Công ty V phải có trách nhiệm chi trả toàn bộ tiền trợ cấp thôi việc cho ông Đinh Văn T theo quy định tại Điều 46 Bộ luật Lao động năm 2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Đinh Văn T khởi kiện Công ty TNHH MTV V tranh chấp tiền trợ cấp mất việc, tranh chấp bảo hiểm xã hội (yêu cầu Công ty TNHH MTV V phải đóng bổ sung các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông T trên mức lương KPI hàng tháng theo hợp đồng lao động) và tiền thưởng năm 2023.

Nhận thấy các tranh chấp này phát sinh từ quan hệ lao động giữa ông T và Công ty TNHH MTV V nên thuộc trường hợp không phải thông qua thủ tục hoà giải cơ sở, bị đơn có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Y mặc dù đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, ông Đinh Văn T và Công ty TNHH MTV V thống nhất việc giao kết hợp đồng lao động từ ngày 16/04/2020, Phụ lục hợp đồng ngày 16/4/2020 (không có thời gian thử việc), mức lương cơ bản hàng tháng theo hợp đồng là 6.660.000đồng, ngoài ra còn có thỏa thuận tiền thưởng theo quy định, thỏa thuận về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Bộ Luật lao động. Ngày 31/12/2023, ông Đinh Văn T và Công ty TNHH MTV V chấm dứt hợp đồng lao động theo Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động ngày 16/10/2023 với lý do giảm biên chế, thu hẹp quy mô sản xuất. Đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định không tranh chấp về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bị đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền trợ cấp mất việc trong thời gian 06 năm tính từ ngày 19/4/2003 đến ngày 31/12/2008 là khoảng thời gian ông T làm việc tại Công ty Cổ phần Y tương đương 06 tháng lương thành tiền là 78.000.000đồng. Bị đơn Công ty TNHH MTV V không đồng ý vì cho rằng đây là thời gian ông T làm việc tại Công ty Cổ phần Y theo hợp đồng lao động giữa ông T và Công ty cổ phần Y.

Khi ông T nghỉ việc Công ty TNHH MTV V đã chi trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông là 03 tháng trên mức lương 6.868.333đồng và ông T đã nhận khi Công ty V giải quyết các chế độ cho ông nghỉ việc nên Công ty không đồng ý thanh toán tiền trợ cấp mất việc theo yêu cầu khởi kiện của ông T. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện bị đơn đồng ý thanh toán thêm cho ông T 03 tháng lương là tiền trợ cấp mất việc trên mức lương tham gia bảo hiểm tương đương số tiền 20.605.000đồng theo ý kiến phê duyệt của Công ty sở hữu là Công ty Cổ phần Y.

[4] Quá trình tố tụng, Tòa án đã ban hành thông báo yêu cầu Công ty Cổ phần Y cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh việc thanh toán các khoản trợ cấp (bao gồm tiền trợ cấp mất việc) theo quy định cho ông Đinh Văn T sau khi chấm dứt quan hệ lao động giữa hai bên nhưng Công ty Cổ phần Y không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ có liên quan đến vụ án cho Tòa án.

[5] Bị đơn Công ty TNHH MTV V xác định Công ty có tư cách pháp nhân và hạch toán độc lập nhưng hoạt động theo Điều lệ của Công ty chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Y. Xét thấy, quan hệ lao động giữa Công ty Cổ phần Y và ông T đã chấm dứt theo Quyết định điều chuyển ngày 16/4/2020 sau đó ông T mới xác lập quan hệ lao động với Công ty TNHH MTV V theo Hợp đồng lao động và phụ lục hợp đồng nên đây là hai quan hệ lao động khác nhau được ký kết với hai pháp nhân độc lập. Mặc dù, Công ty TNHH MTV V hoạt động theo Điều lệ của Công ty chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Y nhưng Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có con dấu riêng, có tài khoản và chịu trách nhiệm độc lập theo Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty TNHH MTV V phải thanh toán tiền trợ cấp mất việc theo quy định tại Điều 34 Bộ luật lao động trong khoảng thời gian nguyên đơn làm việc tại Công ty Cổ phần Y là không phù hợp quy định pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất việc nguyên đơn đã nhận số tiền trợ cấp mất việc tương đương 03 tháng lương cơ bản là 20.605.000đồng, ngoài ra bị đơn tự nguyện thanh toán thêm tiền trợ cấp mất việc 20.605.000đồng tương đương 03 tháng lương cơ bản cho nguyên đơn theo ý kiến phê duyệt của Công ty chủ sở hữu. Xét đây là ý chí tự nguyện của các bên nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Trường hợp, nguyên đơn có tranh chấp với Công ty Cổ phần Y về tiền trợ cấp mất việc trong thời gian làm việc tại Công ty thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[7] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn tham gia bổ sung các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc trên mức lương KPI hàng tháng nhận thấy, Hợp đồng lao động ngày 16/4/2020 thể hiện mức lương cơ bản là 6.660.000đồng, Quyết định điều chỉnh tiền lương ngày 15/7/2020 và Phụ lục hợp đồng ngày 23/7/2023 thể hiện lương KPI hàng tháng là 6.340.000đồng và 6.090.000đồng, mức lương này phù hợp với các sao kê ngân hàng về tiền lương

hàng tháng do ông T cung cấp. Về mức lương để đóng bảo hiểm xã hội, Hợp đồng lao động thỏa thuận theo quy định luật lao động, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất bị đơn tham gia các khoản bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn trên mức lương 6.660.000đồng là đúng với mức lương mà cơ quan Bảo hiểm xã hội đã chốt sổ bảo hiểm trả cho ông T. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định dù hợp đồng lao động và quyết định điều chỉnh tiền lương, phụ lục hợp đồng thể hiện lương KPI là tiền thưởng nhưng hàng tháng Công ty không có đánh giá hiệu quả công việc trên mức lương KPI đối với nhân viên Công ty và cũng không ban hành quy trình đánh giá hiệu quả công việc nên xác định mức lương tham gia bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn theo hợp đồng lao động là chưa phù hợp, chưa đúng thực tế nên yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ tham gia bổ sung theo quy định Luật Bảo hiểm xã hội và Thông tư số 06 ngày 07/07/2021 về sửa đổi bổ sung Thông tư số 59 ngày 29/12/2015 của Bộ L1 và Thương binh xã hội ngày 29/12/2015 về hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm xã hội.

[8] Nhận thấy, quá trình thực hiện hợp đồng lao động, nguyên đơn đồng ý với mức lương tham gia bảo hiểm xã hội đã thỏa thuận và thực hiện nghĩa vụ tham gia bảo hiểm theo mức lương tại Hợp đồng lao động và không ý kiến gì cho đến khi chấm dứt hợp đồng, chốt và nhận sổ bảo hiểm xã hội. Đồng thời, căn cứ quy định về hợp đồng lao động, nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động, quy định về tiền lương và tiền thưởng tại Điều 15, 17, 90 và Điều 103 Bộ luật lao động 2012 thì mức lương tham gia các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc không thấp hơn mức lương tối thiểu nên thỏa thuận tại hợp đồng lao động giữa hai bên là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 186 Bộ luật lao động 2012, Công ty đã tham gia các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động trên khoản lương này là đúng với ý chí thỏa thuận của hai bên tại thời điểm giao kết hợp đồng và phù hợp quy định pháp luật lao động. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải tham gia bổ sung các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho phần lương chưa được tham gia trong thời gian từ ngày 15/7/2020 đến ngày 22/7/2023 là 36 tháng trên mức lương 6.340.000 đồng/tháng. Và từ ngày 23/7/2023 đến 31/12/2023 là 05 tháng trên mức lương: 6.090.000 đồng/tháng thành tiền là 55.850.550đồng là không đủ căn cứ chấp nhận.

[9] Đối với yêu cầu thanh toán tiền thưởng năm 2023 tương đương 02 tháng lương của nguyên đơn như đã phân tích trên và tại phiên tòa người đại diện bị đơn cho rằng việc khen thưởng trên cơ sở ý kiến đề xuất của Công ty TNHH V nhưng theo danh sách phê duyệt của Công ty chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Y. Đồng thời, theo ý kiến của nguyên đơn thì việc khen thưởng không được Công ty công khai và cũng không có việc đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và mức độ hoàn thành công việc của người lao động. Tại thời điểm ông T nghỉ việc Công ty đã giải quyết các chế độ khác cho ông T và ông T xác định không tranh chấp về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bị đơn. Xét thấy đối với khoản tiền khen thưởng là khoản tiền mà người sử dụng lao động thưởng cho người lao động căn cứ vào kết quả sản xuất và mức độ hoàn thành công việc

của người lao động trên cơ sở quy chế khen thưởng do người sử dụng lao động quyết định và công bố công khai tại nơi làm việc nhưng các bên không chứng minh được Công ty TNHH V đã công khai quy chế khen thưởng, thực tế không có đánh giá mức độ hiệu quả công việc cuối năm 2023 và người lao động cũng không chứng minh được mức độ hiệu quả công việc trong năm 2023 đã đạt các chỉ tiêu khen thưởng do Công ty đề ra nên không đủ căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc khen thưởng theo quy định tại Điều 104 Bộ luật lao động.

[10] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị giải quyết vụ án đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp một phần với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử.

[11] Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm; Bị đơn không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 92, khoản 1 Điều 147 và các Điều 227, 228, 264, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 15, 17, 49, 90 và Điều 186 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 13, 15, 47, 48, 90, 91, 104 và Điều 168 Bộ luật Lao động năm 2019

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH MTV V về việc thanh toán tiền trợ cấp mất việc cho ông Đinh Văn T tương đương 03 tháng lương với số tiền là 20.605.000đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH MTV V thanh toán tiền trợ cấp mất việc trong thời gian 06 năm từ ngày 19/4/2003 đến ngày 31/12/2008 là 78.000.000đồng và yêu cầu Công ty TNHH MTV V chi trả tiền thưởng cuối năm 2023 tương đương 02 tháng lương là 26.000.000đồng.

Không chấp nhận cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH MTV V phải tham gia bổ sung các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trên khoản tiền lương KPI chưa được tham gia bảo hiểm trong thời gian ông Đinh Văn T làm việc tại Công ty từ ngày 15/7/2020 đến ngày 31/12/2023 thành tiền là 55.850.550đồng.

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Đinh Văn T không phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH MTV V không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS TP. Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duy Nhân